

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28- 02- 2019
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi
ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lại Anh Vân**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Khóa**.

2. Bà **Dương Thị Kim Hồng**

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Sơn**.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thị Quyên** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2018/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2018 về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/01/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2019/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Nh**, sinh năm 1987

Địa chỉ cư trú: Xóm 5, thôn H, xã C, huyện G, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Huy Q**, sinh năm 1983.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Xóm 5, thôn H, xã C, huyện G, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ hiện nay: 1230-8 Ungdong 2(i)-dong, Jinhae, Gyeong sangnam-do, Korea (Hàn Quốc)

Tại phiên tòa: Chị Lê Thị Nh và anh Nguyễn Huy Q đều vắng mặt. (chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn là chị Lê Thị Nh trình bày:

Chị và anh Nguyễn Huy Q tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 24/4/2006 tại UBND xã C, huyện G, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Tháng 11/2006 anh Q sang Hàn Quốc. Trong thời gian đó vợ chồng vẫn có mâu thuẫn nên ít liên lạc với nhau. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị P, sinh ngày 3/9/2006. Chị Nhung có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu P, không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Về nợ chung: không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/11/2018 với Tòa án chị Lê Thị Nh trình bày:

Tại thời điểm làm đơn ly hôn với anh Q chị có cung cấp cho Tòa án địa chỉ của anh Q là : 123-8 Ungdong 2(i)-dong, Jinhae, Gyeong sangnam-do, Korea. Việc chị cung cấp địa chỉ trên là do thông tin nghe nói từ người thân và bạn bè còn bản thân chị không khẳng định đó có phải là địa chỉ của anh Q hay không, còn gia đình nhà anh Q cũng không cung cấp địa chỉ của anh Q cho chị biết mặc dù chị có đến gia đình yêu cầu nhiều lần. Thời điểm hiện nay địa chỉ của anh Q có như trên hay không thì chị không biết, vì chị và anh Q không có sự liên lạc, gia đình anh Q cũng không cung cấp địa chỉ cho chị và bạn bè người thân cũng không ai cung cấp nên chị không biết được địa chỉ chính xác của anh Q, do vậy chị không thể cung cấp địa chỉ chính xác hiện nay của anh Q cho Tòa án được.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành việc thực hiện việc ủy thác tư pháp các văn bản tố tụng của Tòa án qua Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc theo quy định tại điều 474 của BLTTDS năm 2015. Ngày 13/7/2018 Tòa án đã nhận được văn bản trả lời của Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc với nội dung: “ Đã gửi thông báo cho đương sự theo địa chỉ trong hồ sơ ủy thác và bưu điện đã trả lại hồ sơ”; “Đã niêm yết nội dung ủy thác tại trụ sở Đại sứ quán 30 ngày nhưng các đương sự nêu trên không đến nhận hồ sơ tổng đạt”.

Tại biên bản xác minh ngày 03/12/2018 tại UBND xã Cẩm điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương thể hiện nội dung :

Theo sổ đăng ký hộ khẩu Quyền số 2 Đội 5 tại thôn H, xã C, huyện G, tỉnh Hải Dương thì hộ gia đình anh Nguyễn Huy Q gồm có : Chủ hộ anh Nguyễn Huy

Q, sinh năm 1983 ; em trai là anh Nguyễn Huy H, sinh năm 1984 ; vợ là chị Lê Thị Nh, sinh năm 1987 ; con gái là cháu Nguyễn Thị P, sinh ngày 3/9/2006 ; em dâu là chị Phạm Thị Tr, sinh năm 1993 ; cháu Nguyễn Kiều T, sinh năm 2012 ; cháu Nguyễn Lan A, sinh năm 2018.

Anh Q có bố là ông Nguyễn Huy Th, sinh năm 1957 mất năm 2008 ; có mẹ là bà Lê Thị B, sinh năm 1957 mất vào tháng 11/2004. Anh Q chỉ có 01 em trai là anh Nguyễn Huy H ngoài ra không còn anh chị em ruột nào khác. Trước khi đi nước ngoài anh Q sống cùng em trai là anh H trên thửa đất tại thôn H, xã Đ, huyện G, tỉnh Hải Dương. Hiện nay anh H và vợ con vẫn đang sinh sống tại địa chỉ trên.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/12/2018 anh Nguyễn Huy H trình bày :

Gia đình anh có bố là ông Nguyễn Huy T, sinh năm 1957 mất năm 2008; mẹ là bà Lê Thị B, sinh năm 1957 mất năm 2004. Gia đình chỉ có 2 anh em là anh và anh Nguyễn Huy Q ngoài ra không còn có anh chị em nào khác. Trước khi anh Q đi lao động tại nước ngoài thì anh và anh Q cùng sống tại thửa đất mà bố mẹ để lại tại xóm 5 thôn H, xã Đ, huyện G, tỉnh Hải Dương. Việc chị Nh làm đơn xin ly hôn anh Q thì anh có được biết. Anh Q cũng biết được việc này do anh và anh Q vẫn thường xuyên liên lạc với nhau qua điện thoại và mạng facebook. Anh có biết địa chỉ của anh Q đang sinh sống và làm việc tại Hàn Quốc nhưng vì lý do cá nhân của anh trai mình nên anh không cung cấp địa chỉ của anh Q cho Tòa án cũng như không thực hiện yêu cầu của tòa án thông báo cho anh Q biết để gửi lời khai về cho Tòa án. Anh H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/12/2018 anh Nguyễn Huy H trình bày:

Anh khẳng định việc anh vẫn thường xuyên liên lạc với anh Nguyễn Huy Q qua điện thoại và mạng facebook. Về việc chị Nh xin ly hôn anh Q thì anh có được biết qua các lần liên lạc nói chuyện với anh Q là anh Q nhất trí việc ly hôn để giải thoát cho chị Nh vì hai người xa cách đã lâu và không có sự liên lạc qua lại gì với nhau.

Vì lý do cá nhân của anh trai mình là anh Q nên anh H không cung cấp địa chỉ và cũng không thực hiện yêu cầu của tòa án thông báo cho anh Q biết để gửi lời khai cho Tòa án liên quan đến việc ly hôn giữa anh Q và chị Nh. Do công việc của mình rất bận nên anh H không có thời gian làm việc với tòa án thường xuyên được nên anh đề nghị Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng của tòa án có liên quan đến việc giải quyết ly hôn giữa anh Q và chị Nh.

Tại phiên tòa, vắng mặt: Nguyên đơn chị Lê Thị Nh, bị đơn anh Nguyễn Huy Q.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Thẩm phán đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với các đương sự: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị xử cho chị Lê Thị Nh được ly hôn anh Nguyễn Huy Q. Về con chung: Đề nghị xử giao con chung là cháu Nguyễn Thị P sinh ngày 3/9/2006 cho chị Lê Thị Nh được nuôi dưỡng và chăm sóc. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nh không yêu cầu anh Q cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng không có và chị Lê Thị Nh không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị Lê Thị Nh phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; Căn cứ quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, trên cơ sở xem xét, đánh giá khách quan, toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Lê Thị Nh khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Huy Q có địa chỉ cư trú hiện tại: 1230-8 Ungdong 2(i)-dong, Jinhae, Gyeong sangnam-do, Korea (Hàn Quốc). Anh Nguyễn Huy Q hiện tại đang sinh sống và làm việc tại Hàn Quốc nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 37; Điều 39; Điều 464 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Lê Thị Nh vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

Anh Nguyễn Huy Q, hiện đang làm việc tại Hàn Quốc. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành làm việc với anh Nguyễn Huy H là người thân duy nhất trong gia đình anh Q 02 lần để xác minh địa chỉ của anh Q tại Hàn Quốc. Anh H khẳng định đã thông báo việc chị Nh xin ly hôn cho anh Q, anh Q có quan điểm nhất trí việc ly hôn. Tuy nhiên anh H lấy lý do vì công việc cá nhân của anh trai mình nên cố tình không cung cấp địa chỉ hiện tại của anh Q tại Hàn Quốc cũng như thực hiện các yêu cầu của Tòa án để anh Q gửi lời khai về cho Tòa án liên quan đến việc ly hôn. Tòa án xác định bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết, do vậy căn cứ theo Điều 177, Điều 179 của BLTTDS năm 2015 và hướng dẫn của Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lê Thị Nh và anh Nguyễn Huy Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 24-4-2006 tại UBND xã Đ, huyện G, tỉnh Hải Dương, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Tháng 11/2006 anh Q sang lao động tại Hàn Quốc từ đó đến nay. Trong thời gian xa cách, không ai quan tâm đến ai, mỗi người có cuộc sống riêng, tình cảm vợ chồng không còn.

Nay chị Nh xin ly hôn, HĐXX thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nh là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị P, sinh ngày 3-9-2006 hiện đang ở cùng chị Nh. Khi ly hôn chị Nh có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung vì chị đang làm công việc ổn định, đảm bảo các điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Cháu P cũng có nguyện vọng ở với với mẹ. Ngoài ra, anh Q hiện đang không có mặt ở Việt Nam. Hội đồng xét xử thấy việc giao con cho chị Nh trực tiếp nuôi dưỡng không làm xáo trộn cuộc sống và sự phát triển bình thường của con chung, phù hợp với điều kiện thực tế của chị Nh, nguyện vọng của con chung trên 07 tuổi, phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nh về việc không yêu cầu anh Q cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Chị Lê Thị Nh xác định không có tài sản chung và nợ chung vợ chồng nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị Lê Thị Nh là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 của luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; Điều 37; Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 2 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016

của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Nh

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị Nh được ly hôn anh Nguyễn Huy Q.

2. Về con chung: Xử giao con chung là Nguyễn Thị P, sinh ngày 3-9-2006 cho chị Nh trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nh về việc không yêu cầu anh Q cấp dưỡng tiền nuôi con. Anh Q có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

2. Về án phí: Chị Lê Thị Nh phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ số tiền 300.000đ tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0002949 ngày 25/12/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (chị Lê Thị Nh đã thi hành xong).

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lại Anh Vân